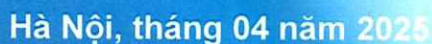


(Baoviet Equity Dynamic Open-ended Fund)



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NĂNG ĐỘNG BẢO VIỆT

Baoviet Equity Dynamic Open-ended Fund

THÁNG 04 NĂM 2025

ĐIỀU LỆ QUỸ MỞ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật số 59/2020/Qh14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIV, kỳ họp thứ 09 về Luật Doanh nghiệp.
2. Luật số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIV, kỳ họp thứ 8 về Luật chứng khoán
3. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
4. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
6. Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ Về Xử Phạt Vi Phạm Hành Chính Trong Lĩnh Vực Chứng Khoán Và Thị Trường Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
7. Thông Tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
9. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
10. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định Hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực Chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
11. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ"	Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Công ty Quản lý Quỹ"	Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Quyết định hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 42 Điều lệ này (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.
"Công ty kiểm toán."	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt.
"Đại lý phân phối"	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan
"Điều lệ Quỹ"	Bao gồm văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.
“Hợp đồng giám sát”	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/giá	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị

dịch vụ mua lại”	Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ (Ngày T).
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Chỉ số VN30”	Là chỉ số được xây dựng trên cơ sở 30 cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05/01/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30.
“Rổ cổ phiếu VN30”	Là danh mục cổ phiếu đầu tư vào các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 với mục đích mô phỏng vận động của chỉ số VN30.
“Luật Chứng khoán”	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.
“UBCKNN”	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này, áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn (*trừ khi được quy định khác*) là các Phụ lục, Điều đoạn của Điều lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ “của Điều lệ này” “theo Điều lệ này” “trong Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: **Quỹ mở**
- Tên giao dịch:
 - o Bằng tiếng Việt: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
 - o Bằng tiếng Anh: **Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund**
 - o Tên viết tắt: **BVFED**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt,**
Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm,
TP Hà Nội.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Quỹ này.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.
4. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 71.247.586.800 (*Bảy mươi một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng. Số vốn này được chia thành 7.124.758,68 chứng chỉ quỹ với mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (*Mười nghìn*) đồng.
2. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên công ty:
 - o Tên bằng tiếng Việt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
 - o Tên bằng tiếng Anh Bao Viet Fund Management Co Ltd.
 - o Tên viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
- Trụ sở chính: Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại (84-24) 3 928 9589
- Fax (84-24) 3 928 9590
- Địa chỉ VPĐD Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
- Vốn Điều lệ: 100 tỷ đồng

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003
- Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 9343137
- Fax: (84-24) 8241395/9360049/8251322

Điều 8. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư cho Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ quy định cụ thể trong bản cáo bạch.

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho Nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

- Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Với chiến lược đầu tư như trên, Quỹ sẽ tập trung vào loại các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo việc điều chỉnh cơ cấu của danh mục đầu tư được thực hiện một cách chính xác và kịp thời.
- Chiến lược đầu tư của quỹ được thực hiện theo các bước như sau:
 - Đánh giá về sự vận động tương đối giữa thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định dựa trên các chỉ định tính và định lượng như: Chu kỳ phát triển của nền kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề chủ đạo trong nền kinh tế, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, mức độ phát triển “nóng” hoặc “lạnh” của từng thị trường thông qua các chỉ số định giá, phân tích kỹ thuật...
 - Xác định tỷ trọng tối ưu của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ vào kết quả nhận định thị trường và mục tiêu đầu tư của Quỹ.
- Cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)
1. Cổ phiếu (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
<i>Phần cơ sở:</i> (i) Rổ cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Hạn chế đầu tư); (ii) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro <i>Phần gia tăng:</i> (i) Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... (ii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng. (iii) chứng chỉ quỹ đại chúng. Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản.	Tối đa 100%

Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa Phần cơ sở và Phần gia tăng trong danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của Phần gia tăng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.	
2. Các tài sản có lãi suất cố định (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. - Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;	Tối đa 80%
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan.	Tối đa 49% (trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát)
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ	

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lưu ý: Cơ cấu thực tế của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được xác định dựa vào chiến lược đầu tư và các hạn chế đầu tư của Quỹ.

4. Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề theo quy định pháp luật hiện hành về đăng ký kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

- Việc đầu tư vào các Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Ngoài quy định về cơ cấu tài sản của Quỹ theo Chiến lược đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- a) Không được đầu tư quá 30% (*ba mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản bao gồm (i) Tiền gửi, (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chứng chỉ quỹ đại chúng (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan
- b) Không được đầu tư quá 20% (*hai mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.;
- c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (*mười phần trăm*) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản bao gồm: Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (*bốn mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó hạng mục đầu tư lớn là hạng mục đầu vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ và g khoản 2, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó.
- h) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác do công ty quản lý khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
- Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm f, g, i, j Khoản 2, Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép vượt mức so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 2 Điều này do các nguyên nhân sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Do thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh và có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
7. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký

Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (*repo*) Công cụ nợ của chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Công cụ nợ của chính phủ.

Điều 13: Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng: công ty Quản lý Quỹ chủ động thực hiện đầu tư các tài sản này trên cơ sở danh sách và hạn mức đầu tư tiền gửi (nếu có) tại các ngân hàng thương mại được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản có thu nhập cố định là Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp:

Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu, tính thanh khoản, rủi ro tín dụng...

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là cổ phiếu:

- a) Đối với Phần cơ sở: Quỹ sẽ đầu tư vào Rổ cổ phiếu VN30 theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Quỹ này. Khi Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo điều chỉnh cơ cấu của các cổ phiếu trong chỉ số VN30, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành điều chỉnh danh mục cổ phiếu của Quỹ để đảm bảo phù hợp với thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày điều chỉnh chính thức có hiệu lực.

- b) Đối với Phần gia tăng: Các cổ phiếu được lựa chọn trên cơ sở đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp như tiềm năng phát triển của ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; vị trí, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; cơ cấu tài sản, nguồn vốn; chính sách chi trả cổ tức... Ngoài các yếu tố kể trên, các cổ phiếu còn phải đáp ứng được tiêu chí thanh khoản của Công ty Quản lý quỹ.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán:

Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng chỉ quỹ đại chúng: Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của chứng chỉ quỹ đại chúng, Công ty Quản lý quỹ sẽ lựa chọn chứng chỉ quỹ đại chúng với các tiêu chí ưu tiên như tính thanh khoản, mức sinh lời, rủi ro biến động giá trị tài sản...

Điều 14. Hình thức giao dịch tài sản

1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng

khoản cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (*trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán*), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc vượt khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 15. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán.
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - g) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
 4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 17. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (*sổ chính*) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (*sổ phụ*) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ.
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ.
 - c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số giấy chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công

dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), số tài khoản hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài).

d) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua, ngày thanh toán

e) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Nguyên tắc chung:

- a) Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải được tổ chức định kỳ.
- b) Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ: tất cả các ngày làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật.
- c) Thời điểm đóng sổ lệnh là mười bốn giờ bốn mươi phút (14h40) tại ngày T – 1. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ tiếp tục có giá trị để thực hiện tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp (trừ trường hợp nhà đầu tư có đề nghị bằng văn bản hủy lệnh giao dịch tại kỳ giao dịch đã bị chuyển chậm sau thời điểm đóng sổ lệnh).

Lưu ý: Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật, thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang mười bốn giờ bốn mươi phút (14h40) của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

- d) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh (Đại lý ký danh). Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

- e) Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp, thẩm định thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và thông tin phòng chống rửa tiền theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước sau đó gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà

đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

- i. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (*gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư*);
- ii. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (*gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư*).

Lưu ý: Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Vốn gián tiếp" (FII) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản FII là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản FII đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

- f) Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*mua/bán/chuyển đổi/sửa/hủy lệnh*) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
 - g) Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua được quy định tại Bản Cáo bạch. Lệnh bán hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư phải đáp ứng về số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi được quy định tại Bản Cáo bạch.
 - h) Không yêu cầu duy trì số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản giao dịch của nhà đầu tư.
 - i) Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Nhà đầu tư đã điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản Cáo bạch. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
 - j) Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - i. Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - ii. Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm;
 - iii. Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;
2. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ:
- a) Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - i. Chuyển khoản;

- ii. Nộp tiền mặt đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát;
- iii. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch (nếu có);

Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ của Đại lý ký danh mở tại ngân hàng giám sát.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- b) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
- c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành} (\%))}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

- d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
 - e) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước..
3. Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ:
- a) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lý hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
 - b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Quỹ này.
 - c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai (02) sau dấu phẩy.
 - d) Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại} (\%)) - \text{Thuế, phí, giá dịch vụ phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên một (01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

- e) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước..
- f) Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư.

Lưu ý: Các chi phí, giá dịch vụ và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.

- g) Thời hạn thanh toán là không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Điều lệ này.
- h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
 - Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
 - Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- i) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (h) nói trên.
4. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:
- a) Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
- Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh giao dịch nói trên.
- Lưu ý:*
- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
 - *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

5. Hủy lệnh giao dịch:

- a) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh (việc hủy lệnh phải thực hiện bằng hình thức văn bản gửi đến Đại lý phân phối hoặc thực hiện trên hệ thống giao dịch điện tử của Đại lý phân phối).
- b) Các trường hợp lệnh giao dịch không hợp lệ trong ngày T:
 - i. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - ii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (*giao dịch qua Đại lý phân phối*);
 - iii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này;
 - iv. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng.
 - v. Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.

6. Hoàn trả tiền:

- a) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (*nếu có*).
- b) Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (*nếu có*) trừ trường hợp quy định tại Điểm c dưới đây.
- c) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí, giá dịch vụ phát sinh (*nếu có*).
- d) Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Chương trình đầu tư định kỳ:

- a) Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b) Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

Điều 19. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (*kể cả các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi*) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc

- b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
- Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Trường hợp lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ phần giá trị thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản.
- Công thức tính tỷ lệ như sau:
- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:
- $$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng} (*)}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$
- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:
- $$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng} (*) - 50 \text{ tỷ đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$
- (*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng giá dịch vụ phát hành
3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày,

kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 20. Giá phát hành, giá mua lại Đơn vị Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu: Mười nghìn (10.000) đồng/Chứng chỉ Quỹ.
2. Giá bán (*Giá phát hành*) các lần phát hành sau một đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
3. Giá mua lại một đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
4. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau:
 - a) Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính giá dịch vụ.
 - b) Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.

5. Giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau: Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.

Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.

6. Giá dịch vụ chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ: Tối đa 3,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
 - a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có), không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm này.
 - b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

7. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 5,0% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang tin điện tử của BVF.
8. Đối với các giao dịch thừa kế chứng chỉ quỹ, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí, giá dịch vụ và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.
9. Lưu ý: Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định nêu tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 60 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ đánh giá và đề xuất Đại hội nhà đầu tư xem xét thông qua tại từng giai đoạn hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - c. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - d. Phương án phân phối lợi tức;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
 - g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, thực hiện công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ trường hợp quyết định các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ này.

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định của Pháp luật.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
9. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
- a) Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa bao gồm: (i) tham dự hội nghị trực tuyến (bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử), (ii) bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật, (iii) gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
 - c) Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - d) Trong trường hợp tổ chức dưới hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc theo nguyên tắc, nội dung, trình tự và thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư phù hợp với nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - i. Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại và gửi đến tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến. Việc lập danh sách Nhà đầu tư gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định lập danh sách Nhà đầu tư tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư: gửi thư, thư điện tử, fax hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật
 - ii. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Thông tin của Nhà đầu tư, Số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu và số quyền biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty Quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Người đại diện Công ty Quản lý quỹ.
- iii. Công ty Quản lý quỹ gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 07 ngày làm việc (*bảy ngày làm việc*) trước ngày gửi Phiếu hỏi ý kiến nhà đầu tư.
- iv. Nhà đầu tư có thể gửi phiếu hỏi ý kiến đã trả lời đến Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau đây:
 - Gửi thư: Phiếu hỏi ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư. Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật tới thời điểm kiểm phiếu.
 - Các phiếu hỏi ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu hỏi ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- v. Công ty Quản lý quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập Ban kiểm phiếu dưới sự chứng kiến đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:
 - Tên, địa chỉ của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
 - Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các vấn đề đã được thông qua
 - Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu và người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ.
 - Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và Ủy Ban chứng khoán nhà nước trong vòng 24h (hai mươi tư giờ) kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.
- vi. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ.
- vii. Trong trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều 23 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định như sau:
 - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
2. Tối thiểu hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập theo nguyên tắc sau không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 điều này, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 3 điều này và khoản 2, 3 Điều 28 Điều lệ này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 28. Nhiệm kỳ, Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:

- a) Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được đề cử tại Đại hội Nhà đầu tư.
 - b) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
 - c) Chủ tịch và Phó chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
- a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; phê duyệt danh sách tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng cho Quỹ
3. Chấp thuận các giao dịch tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ.
4. Lựa chọn công ty kiểm toán trên cơ sở ủy quyền từ Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán hợp lệ từ Công ty Quản lý Quỹ.
5. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
6. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b,c,d,e,f,g,h Khoản 2 tại Điều 23 Điều lệ quỹ này. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
7. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.
9. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Đại hội nhà đầu tư, pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 31. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Công ty Quản lý quỹ hoặc Ban đại diện phải thực hiện triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được triệu tập họp bất thường trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.
 - Số lượng thành viên độc lập của Ban đại diện giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tối thiểu 2/3 số thành viên độc lập.
 - Trừ trường hợp quy định tại 2 điểm nêu trên, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên Ban đại diện mới thay thế thành viên Ban đại diện đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 34. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo cho các thành viên Ban đại diện quỹ chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (*hai phần ba*) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% (*năm mươi phần trăm*) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ 60% (*sáu mươi phần trăm*) trở lên số thành viên dự họp và trên 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
6. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 5, Điều 29*).
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

Điều 35. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu trữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ:
 - a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
 - b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
 - e) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
 - f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
 - g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
 - h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
 - i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí, giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
 - k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

- l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
 - m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát
 - n) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.
2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ:
- a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).
 - b) Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.
 - c) Được hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn đầu tư chứng khoán cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.
 - d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
 - e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
 - c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
 - e) Quỹ hết thời hạn hoạt động.
- 2. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 điều này.

Điều 39. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát của quỹ. Thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- 2. Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên làm việc tại công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại các bên có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản

lý ngoại trừ việc sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ khác mà mình quản lý.

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.
4. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định tại Điều lệ quỹ.
6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
7. Công ty quản lý quỹ không được nhận thưởng hoạt động đối với quỹ mở.
8. Công ty quản lý quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng giá dịch vụ và rủi ro không hợp lý cho quỹ.
9. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 40. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng

những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- m) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- a) Hưởng giá dịch vụ như được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà đầu tư
- c) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- d) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
- e) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
- f) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí.
- g) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Điều 42. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:
 - a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng của Quỹ, kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện các biện pháp xử lý khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn quy định;

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ;
- f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
- g) Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.

Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng Giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ và Khách Hàng đã lưu ký tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện quyền của mình, Khách Hàng đồng ý, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng, liên quan tới đăng ký của các chứng khoán này dưới tên Quỹ hoặc liên quan tới việc gửi Tiền mặt trong tài khoản của Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

- h) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ {bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện hoặc Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ}, ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
 - i. Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - ii. Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (hoặc Ban Đại diện hoặc Đại hội Nhà Đầu

Tư của Quỹ) hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc

- iii. Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi: (i) Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.

((i), (ii) và (iii) gọi chung là “Những định giá bị Ảnh hưởng”

- i) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
- j) Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (*ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát*) mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị ảnh hưởng.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này và tự chịu chi phí phát sinh. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan về các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ hết thời hạn hoạt động, bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ.
2. Trong trường hợp quy định tại điểm 1 nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 44. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan như Ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) để cung cấp các dịch vụ bên ngoài gồm toàn bộ hoặc một số hoạt động ủy quyền đi kèm như sau:

1. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng
 - a) Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
 - b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
 - c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
 - d) Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - e) Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
 - f) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng đã ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư
 - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - c) Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.
3. Các dịch vụ khác trên cơ sở hoạt động Quỹ và quy định pháp luật.

Điều 45. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ cho Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Phải là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Có đầy đủ năng lực, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp theo yêu cầu của Công ty quản lý Quỹ cũng như quy định của pháp luật Việt Nam

về các dịch vụ cung cấp.

4. Phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền. Trong trường hợp một tổ chức nhận nhiều dịch vụ ủy quyền, các bộ phận chuyên trách phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ cơ sở vật chất, quy trình nghiệp vụ, nhân sự với kinh nghiệm và yêu cầu chuyên môn để thực hiện dịch vụ được ủy quyền.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
3. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
4. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 47. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Việc chấm dứt hoạt động ủy quyền với Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan dựa trên thay đổi trong quy định pháp luật, Hợp đồng đã ký kết và tự nguyện chấm dứt giữa các bên.

CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh

1. Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ. Đại lý phân phối phải có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết nhà đầu tư, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi; quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền; quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ quỹ.
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở của công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định pháp luật và điều khoản tại hợp đồng phân phối
4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo các tài liệu:
 - a) Thông báo về thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;
 - b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của quỹ khác do công ty quản lý).
5. Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho nhà đầu tư, đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).
6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.
7. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của đại lý phân phối;
 - b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- c) Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;
 - d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực
8. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 7 điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.
9. Công ty quản lý quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ

Điều 50. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
 - a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
 - b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
 - c) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định tại Điều lệ.
 - d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
 - e) Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
 - f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Hoạt động của đại lý ký danh:
 - a) Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại khoản 1 điều này đối với các nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư;
 - b) Lập và quản lý sổ phụ đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

- c) Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ nhà đầu tư, đảm bảo lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật;
- d) Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của đại lý phân phối quy định tại Điều lệ này.
3. Chức năng của đại lý ký danh được nêu đầy đủ tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:
- a) Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư tại sổ phụ. Các nhà đầu tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của nhà đầu tư (nếu có);
- b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng nhà đầu tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh;
- c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo yêu cầu của nhà đầu tư;
- d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hoặc trả lại tiền cho đúng nhà đầu tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu.
4. Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh phải xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản ký danh, bảo đảm:
- a) Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng nhà đầu tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- b) Tiền (nếu có) của nhà đầu tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của nhà đầu tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho nhà đầu tư trong thời hạn 24 giờ;
- c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ quỹ hoặc từ nhà đầu tư tham gia vào quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát,

hoặc thanh toán cho quỹ theo chỉ thị của nhà đầu tư.

Điều 51. Nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hằng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng

cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 52. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội đồng Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ.
2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - c) Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.
3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCKNN.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 55. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và cập nhật trên trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán về báo cáo tài chính.

Điều 56. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 57. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Bản Cáo bạch và ngày tính toán giá trị tài sản ròng phục vụ công tác báo cáo (đối với trường hợp định giá NAV để thực hiện báo cáo). Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định pháp luật.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.
4. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định tại ngày định giá và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định của Phụ lục XXIV ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC.

Điều 58. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
2. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:
Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ.
3. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
4. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Điều 59. Quy trình định giá tài sản quỹ

Chi tiết tại Phụ lục 4 Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Điều lệ Quỹ này.

Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý Quỹ đề xuất để Ban Đại diện Quỹ quyết định.

Điều 61. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Quỹ và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được đền bù nếu chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ 1% (một phần trăm) trở lên. Nhà đầu tư sẽ không được bồi thường nếu giá trị thiệt hại ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) đồng và khoản tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.
2. Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Giám sát, các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ xác định nguyên nhân sai sót và là đại diện đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đã bán;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại

trong thời gian đó.

CHƯƠNG XII: GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 62. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ.

- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ là 1,0%/năm (Một phần trăm một năm) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số giá dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính giá dịch vụ cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Giá dịch vụ phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để trả cho Công ty Quản lý Quỹ theo chỉ thị thanh toán thường xuyên.

- Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.
 - Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định của pháp luật.
- #### 2. Giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát:

- Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá
- Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ lưu ký/giám sát = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá

* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

- Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho Quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

- Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp

luật hiện hành.

- Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

- d) Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.
- b) Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:
- $$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \frac{\text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$
- d) Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng để thực hiện nhiệm vụ đại lý chuyển nhượng cho quỹ.
- b) Biểu phí quy định giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.

Điều 63. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi;
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ;
5. Chênh lệch lãi đánh giá lại các khoản đầu tư cuối kỳ;
6. Các khoản thu nhập khác

Điều 64. Chi phí hoạt động của quỹ

Các khoản chi phí bao gồm:

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát.

3. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
4. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ.
5. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho thành viên góp vốn; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
6. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
7. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
8. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

Điều 65. Phân chia lợi tức của quỹ

1. Lợi tức phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi tức quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi tức (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi tức được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 67. Chia, tách quỹ

1. Điều kiện chia, tách quỹ bao gồm:
 - a) Được Đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách
 - b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 108 Luật chứng khoán;
 - c) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.
2. Việc chia, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 68. Giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ;
 - b) Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c) Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc bị giải thể, phá sản mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - d) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc hợp đồng giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ bị chấm dứt mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ liên tục trong 06 (sáu) tháng;
 - f) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật.
2. Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 69. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 70. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

Quy định về công bố thông tin của Quỹ phải tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

1. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin định kỳ về Quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thay đổi Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại các ngày giao dịch.
 - b) Tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng quý và hàng năm.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin về Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra các trường hợp bất thường được quy định theo pháp luật.

Điều 71. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 72. Đăng ký Điều lệ

Bản Điều lệ này gồm XV Chương, 73 Điều được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 11 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều 73. Điều khoản thi hành

1. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Phụ lục số 5: Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thừa Nhật

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100111761-129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2005 và các đăng ký thay đổi của Giấy chứng nhận này.

Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Công bố và cập nhật các thông tin về Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) và những thông tin khác theo yêu cầu của pháp luật tại trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
12. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
13. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
14. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thừa Nhật

Phụ lục số 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Số giấy phép thành lập và hoạt động: 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán : 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



TRƯỞNG TRƯNG TÂM

Võ Tươi Thanh

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF)

- Số giấy phép thành lập và hoạt động: Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100111761-129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2005 và các đăng ký thay đổi của Giấy chứng nhận này.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

- Giấy phép hoạt động số: 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Số Quyết định đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003.

BVF và Vietcombank cùng cam kết:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thừa Nhật

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thanh

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

A – Giá trị tài sản

Stt	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
3	Tín phiếu kho bạc, Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
4	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
6	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

		- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc + Giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
12	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
13	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
Các tài sản khác		
14	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (Book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/ Bloomberg/ VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

Stt	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng x khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của 1 vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên 1 điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các Hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Phụ lục số 5

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

1. Giá dịch vụ Lưu ký và Giám sát

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
		0,07%/NAV/Năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng (chưa VAT)	Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát tối thiểu 15.000.000 đồng/ tháng áp dụng với tần suất giao dịch 1 lần 1 tuần. Trong trường hợp tần suất giao dịch tăng lên, mức giá dịch vụ tối thiểu tăng thêm 3.000.000 đồng/ 1 lần giao dịch tăng thêm trong 1 tuần
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 8.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí	Miễn phí	
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSDC (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0.27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng;		Giá dịch vụ lưu ký và giá dịch vụ chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ.

		0.18 đồng/trái phiếu doanh nghiệp,	Tối đa 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp	Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Tối đa không quá 300.000 đồng/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSDC thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức giá dịch vụ như sau:

- Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	- Mức 1: 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần - Mức 2: 10.000.000 VND/tháng áp dụng cho khi Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần (Trường hợp quỹ thay đổi tần suất giao dịch, mức giá dịch vụ mới sẽ được áp dụng từ tháng liền sau tháng thay đổi)
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu NĐT	Miễn phí

	- Duy trì thông tin tài khoản NĐT	
3	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng CCQ đang lưu hành - Thông tin danh sách NĐT sở hữu CCQ	Miễn phí
4	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách

(*) Chưa bao gồm thuế VAT. Trường hợp giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng của VSDC có điều chỉnh tăng không quá 120% hoặc điều chỉnh giảm, mức giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng.

• **Phí/ Giá dịch vụ khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC theo thực tế phát sinh do VSDC gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSDC đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.